

Số: /KH - CĐSL

Sơn La, ngày tháng 01 năm 2024

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Đề án trường cao đẳng chất lượng cao năm 2024**

Căn cứ vào Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2021 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao;

Thực hiện Quyết định số 121/QĐ-CĐSL ngày 08/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Đề án trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 118/KH-CĐSL ngày 05/5/2022 về triển khai thực hiện Đề án trường cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ kết quả thực hiện các nội dung công việc trong Báo cáo số 334/BC-CĐSL ngày 20/12/2022 báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án trường cao đẳng chất lượng cao năm 2023;

Trường Cao đẳng Sơn La xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện đề án trường cao đẳng chất lượng cao năm 2024, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1.1. Mục đích**

- Xác định rõ công việc, nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện nội dung đề án trường cao đẳng chất lượng cao trong năm 2024.

- Là cơ sở để hoàn thiện, đảm bảo chất lượng, hiệu quả báo cáo tự đánh giá trường cao đẳng chất lượng cao năm 2024.

##### **1.2. Yêu cầu**

- Công tác thực hiện đề án trường cao đẳng chất lượng cao năm 2024 cần bám sát nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong đề án.

- Các đơn vị xây dựng Kế hoạch cụ thể của đơn vị mình, đảm bảo tiến độ thời gian.

- Báo cáo kết quả thực hiện triển khai cần phân tích rõ nội dung công việc đã đảm bảo và nội dung công việc chưa hoàn thành, giải pháp xử lý.

- Thời gian triển khai thực hiện đề án trường cao đẳng chất lượng cao năm 2023: từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2024.

## II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

### 2.1. Các tiêu chuẩn, công việc đã đạt

| TT | Tiêu chuẩn  | Đơn vị thực hiện |
|----|---|------------------|
| 1  | Tiêu chuẩn 1.2: Kết thúc khóa đào tạo, tỷ lệ bỏ học của học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng của toàn trường không vượt quá 20% tổng số tuyển sinh.   | P. HSSV          |
| 2  | Tiêu chuẩn 1.3: Có chương trình đào tạo là chương trình đào tạo chất lượng cao hoặc được công nhận tương đương với chuẩn quốc tế, khu vực ASEAN.  | P.ĐT             |
| 3  | Tiêu chuẩn 2.1: 100% nhà giáo có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương trở lên. | P. TCHC          |
| 4  | Tiêu chuẩn 2.2: Ít nhất 50% nhà giáo có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên.  | P. TCHC          |
| 5  | Tiêu chuẩn 2.3: 100% nhà giáo có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.  | P. TCHC          |
| 6  | Tiêu chuẩn 2.4: Ít nhất 70% đội ngũ nhà giáo có chứng chỉ kỹ năng nghề để giảng dạy thực hành trình độ cao đẳng hoặc văn bằng, chứng chỉ tương đương trở lên.   | P. TCHC          |
| 7  | Tiêu chuẩn 2.5: Hằng năm, ít nhất 50% đội ngũ nhà giáo được bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới thuộc lĩnh vực ngành, nghề giảng dạy với thời gian bồi dưỡng tối thiểu 80 giờ.  | P. TCHC          |
| 8  | Tiêu chuẩn 3.1: Hằng năm, trường cung cấp ít nhất 4 (bốn) khóa hoặc lớp đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp được doanh nghiệp và người lao động đánh giá có chất lượng và hiệu quả.  | P. ĐT            |
| 9  | Tiêu chuẩn 3.2: Hằng năm, trường có hoạt động hợp tác với trường nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.  | P. HSSV          |
| 10 | Tiêu chuẩn 3.3: Thời gian đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp chiếm ít nhất 20% tổng thời gian khóa học; có hoạt động gắn kết với doanh nghiệp để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ   | T. TSVL          |
| 11 | Tiêu chuẩn 3.4: Các thiết bị đào tạo đạt mức tương đương công nghệ tiên tiến áp dụng tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo.   | P.QTTB           |
| 12 | Tiêu chuẩn 3.5: Hằng năm trường hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện ít nhất 1 (một) đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ.   | P. ĐT            |

|    |  |                               |
|----|--|-------------------------------|
| 13 | Tiêu chuẩn 3.6: Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% tổng số học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo.  | T. TSVL                       |
| 13 | Tiêu chuẩn 4.1: Trường học có môi trường giáo dục hiện đại, đồng bộ theo tiêu chí xanh, bao gồm các điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật; an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.  | P. QTTB<br>P. HSSV            |
| 15 | Tiêu chuẩn 4.2: Trường xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng được người học, nhà giáo, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý đánh giá hoạt động hiệu quả. Hiệu trưởng được cộng đồng và doanh nghiệp công nhận đã lãnh đạo nhà trường gắn bó chặt chẽ với các chương trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương (quận/huyện), bảo đảm cung cấp lao động có kỹ năng chất lượng cao; chỉ đạo tầm chiến lược nhà trường gắn với tiến trình quốc tế hóa và đổi mới các quan hệ đối tác trong thế giới việc làm. | P. KTCL<br>P. TCHC<br>T. TSVL |
| 16 | Tiêu chuẩn 4.3: Các hoạt động của trường được số hoá, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số. Trang thông tin điện tử của trường được thể hiện ít nhất bằng 2 (hai) ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có đầy đủ các nội dung gồm: cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thu chi tài chính.   | P. QTTB                       |
| 17 | Tiêu chuẩn 4.4: Trường có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến và bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến đối với ít nhất 30% môn học, mô đun của ngành, nghề đào tạo.   | P. ĐT                         |
| 18 | Tiêu chuẩn 4.5: Trường triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ nhằm thúc đẩy phát triển các năng lực cá nhân và bảo đảm quyền lợi của học sinh, sinh viên, nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý. Trường có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả cho người khuyết tật hoặc phục vụ cộng đồng.  | P. TCHC<br>P. HSSV            |
| 19 | Tiêu chuẩn 4.6: Khu vực thực hành bảo đảm đủ điều kiện theo quy định hiện hành về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đào tạo; được sắp xếp theo 3 cấp độ: bảo đảm đào tạo các kỹ năng cơ bản, đào tạo các kỹ năng chuyên sâu và ứng dụng các kỹ năng đã học vào điều kiện làm việc thực tế.   | P. QTTB                       |
| 20 | Tiêu chuẩn 4.7: Hằng năm có ít nhất 1 (một) bài báo hoặc công trình khoa học của nhà giáo, nhân viên, cán bộ quản lý được công bố trên các tạp chí khoa học được tính điểm hoặc ấn phẩm tương đương.   | P. ĐT                         |
| 21 | Tiêu chuẩn 5.1: Trong thời gian 3 năm, bao gồm năm đánh giá, trường có học sinh, sinh viên đạt giải tại các cuộc thi cấp quốc tế, khu vực hoặc quốc gia do ngành giáo dục nghề nghiệp phát động, tổ chức hoặc được tuyên dương xuất sắc, tiêu biểu cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia hoặc có đề tài nghiên cứu ứng dụng được công nhận cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia.  | P. ĐT                         |

|    |   |         |
|----|---|---------|
| 22 | Tiêu chuẩn 5.2: Hằng năm, đối với mỗi ngành, nghề đào tạo trường tổ chức khảo sát ít nhất 2 (hai) doanh nghiệp có học sinh, sinh viên vừa tốt nghiệp trong vòng 12 tháng đang làm việc; ít nhất 80% các doanh nghiệp được khảo sát khẳng định năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng đáp ứng yêu cầu công việc. | T. TSVL |
| 23 | Tiêu chuẩn 5.3: Học sinh, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng cơ bản sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.   | T. TSVL |
| 24 | Tiêu chuẩn 5.4: Hằng năm, có ít nhất 1 (một) ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp hoặc kết nối với các doanh nghiệp, các quỹ đầu tư mạo hiểm.  | T. TSVL |

## 2.2. Các nội dung công việc chưa hoàn thành cần triển khai thực hiện năm 2024

| TT        | Nội dung công việc/Chỉ tiêu   | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp                  | Công việc cần thực hiện   |
|-----------|---|----------------|----------------------------------|---|
| <b>I</b>  | <b>Về đảm bảo quy mô đào tạo hàng năm, tỷ lệ HSSV kết thúc khoá học so với số HSSV tuyển sinh</b> |                |                                  |   |
| 1         | Chưa đảm bảo quy mô đào tạo năm 2023, tỷ lệ tuyển sinh chưa đảm bảo 100% chỉ tiêu                 | T. TSVL        | ĐT;<br>các khoa<br>Quản lý ngành | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở rộng đối tượng tư vấn hướng nghiệp, tuyên truyền tuyển sinh về ngành, nghề, chế độ, chính sách đối với các đối tượng bộ đội xuất ngũ, công an nghĩa vụ ra quân.</li> <li>- Chủ động tăng cường công tác tư vấn hướng nghiệp đến phụ huynh, học sinh, tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh thông qua HSSV, Ban liên lạc cựu HSSV, các Hội Khuyến học</li> <li>- Tham mưu tổ chức cuộc thi xây dựng video, clip quảng bá hình ảnh nhà trường, các ngành nghề đào tạo, chế độ, chính sách ưu đãi cho người học, các cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trên các mạng xã hội.</li> <li>- Tăng cường khảo sát để gắn tuyển sinh với tuyển dụng.</li> </ul> |
| <b>II</b> | <b>Về xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao</b>  |                |                                  |   |

| <b>TT</b> | <b>Nội dung công việc/Chỉ tiêu</b>   | <b>Đơn vị chủ trì</b> | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Công việc cần thực hiện</b>  |
|-----------|--|-----------------------|------------------------|---|
| 3         | Chưa hoàn thiện Đề án chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Hướng dẫn Du lịch. | Phòng ĐT              | Khoa VHDL              | - Thông báo đăng ký tới các Khoa (hạn 23/02/2024).<br>- Xây dựng 01 CTĐT trong năm học 2024-2025 (tháng 7/2024-30/6/2025)<br>- Thiết lập hồ sơ xin cấp phép gửi Tổng cục GDNN |

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **3.1. Đối với các tiêu chuẩn, công việc đã đạt (Mục 2.1)**

Các đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ được giao để đảm bảo duy trì các tiêu chuẩn đã đạt; Thiết lập, lưu trữ đầy đủ hồ sơ công việc đã thực hiện theo quy định; Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công và nộp kết quả thực hiện (Báo cáo và minh chứng) về Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trước ngày 15/11/2024.

#### **3.2. Đối với các nội dung công việc cần triển khai thực hiện năm 2024 (Mục 2.2)**

Đề nghị các đơn vị chủ trì:

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết. Trong kế hoạch chỉ rõ từng công việc phải thực hiện, thời điểm thực hiện, thời điểm hoàn thành, người phụ trách, người thực hiện, hồ sơ minh chứng. Kế hoạch triển khai thực hiện đề án năm 2024 gửi về phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng và các đơn vị có liên quan (để phối hợp thực hiện) trước ngày 15/3/2024.
- Lập Báo cáo kết quả thực hiện, gửi về phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng trước ngày 15/11/2024

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án trường chất lượng cao năm 2024, đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Đảng ủy (Báo cáo);
- Ban Giám hiệu (Chỉ đạo);
- Các đơn vị trực thuộc (Thực hiện);
- Các đoàn thể trong trường (Phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, KTCL.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Đức Long**